

Số: /BC-UBND

Thị trấn Chủ, ngày 26 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Ước thực hiện Thu - Chi ngân sách năm 2023;

Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024

(Trình tại Kỳ họp thứ 7, HĐND thị trấn Chủ, khoá II nhiệm kỳ 2021-2026)

Thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Lục Ngạn V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND thị trấn Chủ ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt dự toán Thu - Chi ngân sách thị trấn năm 2023;

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

UBND thị trấn Chủ báo cáo tình hình ước thực hiện Thu - Chi ngân sách năm 2023, phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2023 là năm tiếp tục thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025. Tình hình thu ngân sách gặp rất nhiều khó khăn do sự trầm lắng của thị trường bất động sản cũng như việc đấu giá quyền sử dụng đất, do việc phát triển chậm của các hoạt động kinh doanh buôn bán trên địa bàn. Song dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy - HĐND, sự điều hành kịp thời hiệu quả của UBND nên việc thu chi ngân sách năm 2023 đến nay đạt được những kết quả nhất định, như sau:

B. ƯỚC THỰC HIỆN KẾT QUẢ THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

1. Ước thu ngân sách

Ước thu ngân sách năm 2023: **42.610.394.830** đồng, đạt 26% dự toán, điều tiết ngân sách: **18.419.428.105** đồng đạt: 78,4% dự toán, thu tại địa bàn: 6.285.336.813 đồng đạt 104,93% dự toán.

a) Các khoản thu trong dự toán

- Phí, lệ phí: 452.200.000 đồng, đạt 282,6% dự toán;
- Phí môn bài: 507.402.200 đồng, đạt 153,8% dự toán;
- Thu biện pháp tài chính: 10.750.000 đồng, đạt 6% dự toán;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 660.535.4491 đồng, đạt 73,4% dự toán;

- Lệ phí trước bạ: 231.659.992 đồng, đạt 42,1% dự toán;
- Thuế GTGT: 2.356.553.694 đồng đạt 140,3% dự toán;
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.046.935.478 đồng đạt 93,5% dự toán;
- Thu tiền sử dụng đất: 2.393.800.000 đồng đạt 15,7% dự toán;
- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên: 1.483.666.000 đồng đạt 100% dự toán;
- Thu bổ sung chi mục tiêu: 748.494 đồng đạt 100% dự toán;

(Kèm theo Biểu số 01 ước thực hiện thu ngân sách năm 2023)

b) Các khoản thu không trong dự toán

- Phí thuộc lĩnh vực môi trường (đối với khai thác khoáng sản còn lại): 19.300.000 đồng;
- Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang không trong dự toán giao: 7.508.131.292 đồng;

2. Ước chi ngân sách

Ước chi ngân sách năm 2023: **12.330.981.500 đồng** đạt 50% dự toán;

Chi đầu tư XDCB: 3.233.331.000 đồng đạt 21% dự toán;

Chi thường xuyên: 9.008.001.500 đồng đạt 97% dự toán, trong đó:

- Chi dân quân tự vệ: 659.932.500 đồng đạt 100% dự toán;
- Chi an ninh trật tự: 301.295.000 đồng đạt 87% dự toán;
- Chi sự nghiệp VH – TT- cụm dân cư: 224.650.000 đồng đạt 100% dự toán;
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 82.980.000 đồng đạt 99% dự toán;
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 34.000.000 đồng đạt 97% dự toán;
- Chi sự nghiệp môi trường: 84.000.000 đồng đạt 98% dự toán;
- Chi sự nghiệp kinh tế: 236.635.000 đồng đạt 99% dự toán;
- Chi sự nghiệp xã hội: 505.458.000 đồng đạt 100% dự toán;
- Chi QLNN, đảng, đoàn thể: 6.968.700.000 đồng đạt 99% dự toán;

Trong đó:

Chi ngân sách HĐND: 330.411.000 đồng đạt 100% dự toán;

Chi UBND: 4.424.204.000 đồng đạt 99% dự toán;

Chi ngân sách đảng: 904.560.000 đồng đạt 97% dự toán;

Chi ngân sách MTTQ: 361.971.000 đồng, đạt 98% dự toán;

Chi ngân sách đoàn thanh niên: 188.532.000 đồng đạt 100% dự toán;

Chi ngân sách hội phụ nữ: 197.520.000 đồng đạt 98% dự toán;

Chi ngân sách hội nông dân: 205.587.000 đồng đạt 97% dự toán;

Chi ngân sách hội CCB: 186.601.000 đồng đạt 99% dự toán;

Chi ngân sách hội chữ thập đỏ: 27.840.000 đồng đạt 99,9% dự toán;
 Chi ngân sách hội người cao tuổi: 107.710.000 đồng đạt 100% dự toán;
 Chi khác: 33.764.000 đồng đạt 100% dự toán;

(Kèm theo Biểu số 02 ước thực hiện chi ngân sách năm 2023)

3. Công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2023

a) Về thu ngân sách

Năm 2023, là năm rất nhiều khó khăn, song dưới sự nỗ lực chỉ đạo sát sao của Đảng ủy HĐND - UBND - UB MTTQ, các ban ngành, đoàn thể và sự nỗ lực phấn đấu của bộ phận phụ trách thu đội thuế nên thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Chũ đạt được những kết quả nhất định, tuy tổng thể chưa hoàn thành kế hoạch nhưng có những chỉ tiêu thu đạt và vượt dự toán giao. Tổng thu điều tiết ngân sách đạt: 18.419.428.105 đồng đạt: 78,4% dự toán, thu tại địa bàn: 6.285.336.813 đồng đạt 104,93% dự toán, trong đó có 5/10 chỉ tiêu thu đạt và vượt dự toán.

Còn một số chỉ tiêu thu chưa đạt dự toán giao: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 73,4% dự toán; Lệ phí trước bạ 42,1% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân 93,5% dự toán; Thu tiền sử dụng đất 15,7% dự toán; Thu biện pháp tài chính 6% dự toán.

**** Nguyên nhân***

Do ảnh hưởng của tình hình suy giảm kinh tế, nhiều ngành nghề kinh doanh thương mại dịch vụ giảm sút nên việc thu một số chỉ tiêu thuế giảm theo.

Tình hình thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để đấu giá một số dự án của huyện tiến độ chậm nên một số dự án trên địa bàn thị trấn Chũ chưa được đưa ra đấu giá vì vậy nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt chỉ tiêu, ngoài ra do sự trầm lắng của thị trường bất động sản không có giao dịch mua bán chuyển nhượng nên ảnh hưởng nhiều đến các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

b) Về chi ngân sách

Nhằm tăng cường công tác quản lý Thu - Chi ngân sách theo luật ngân sách nhà nước, ngay sau khi có dự toán cấp trên giao, UBND đã phân bổ dự toán đổi mới việc phân bổ dự toán việc khoán chi hoạt động thường xuyên cho các ngành, đoàn thể theo định mức quy định, trình HĐND thị trấn Chũ phê chuẩn dự toán chi ngân sách theo đúng quy định của luật ngân sách Nhà nước.

Nhiệm vụ chi ngân sách đã bám sát vào dự toán chi, đảm bảo chi lương, phụ cấp theo đúng quy định hiện hành, thực hiện tiết kiệm chi tối đa các khoản chi không cần thiết để đáp ứng các nhu cầu nhiệm vụ chi thường xuyên.

Ước chi ngân sách năm 2023, **12.330.981.500 đồng** đạt 50% dự toán, chi đầu tư xây dựng cơ bản: 3.233.331.000 đồng đạt 21% dự toán, chi thường xuyên: 9.097.650.500 đồng đạt 98% dự toán;

Trong năm, được sự nhất trí của Thường trực HĐND thị trấn, UBND đã xây dựng, bổ sung, điều chỉnh dự toán chi kịp thời, bổ sung từ kinh phí cấp trên trợ cấp có mục tiêu, bổ sung từ nguồn chuyển nguồn ngân sách năm trước, nhằm đảm bảo, phục vụ thiết thực cho các nhiệm vụ chi ngân sách quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, an ninh, quốc phòng, các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương.

4. Các khoản thu hộ, chi hộ

(Có Biểu số 03 báo cáo thu hộ, chi hộ được hạch toán qua tài khoản tiền gửi năm 2023 kèm theo)

5. Thu đóng góp các quỹ ngoài ngân sách

Trong năm, UBND đã triển khai kế hoạch và ra Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND thị trấn Chũ về Giao chỉ tiêu thu và vận động các loại quỹ trên địa bàn thị trấn Chũ năm 2023; Thực hiện vận động các khoản thu tại 19 tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Chũ, cơ bản được nhân dân hưởng ứng, đồng lòng kết quả đạt 98%.

Tổng số tiền vận động: 341.200.000 đồng;

Tồn quỹ năm trước chuyển sang: 249.987.000 đồng;

Tổng số đã chi đến ngày 10/12: 364.565.000 đồng;

Tồn quỹ đến hết ngày 10/12/2023: 226.622.000 đồng;

(Kèm theo Biểu số 04 các khoản thu, chi quỹ vận động năm 2024)

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Năm 2024 là năm tiếp tục thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025. Căn cứ và tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2023 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện Lục Ngạn về dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, UBND thị trấn Chũ xây dựng dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách

Dự toán thu NSNN: 115.634.496.000 đồng, điều tiết ngân sách: 19.556.496.000 đồng *(Trong đó: thu tiền sử dụng đất là 10.320.000.000 đồng, thu điều tiết trên địa bàn đã trừ tiền đất: 6.446.000.000,00 đồng, thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên: 2.790.496.000 đồng)* thu trên các lĩnh vực sau:

a) Các khoản thu trong dự toán sau điều tiết ngân sách

- Thuế giá trị gia tăng: 2.208.500.000 đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.303.500.000 đồng;
- Lệ phí trước bạ: 250.000.000 đồng;
- Các loại phí, lệ phí: 597.000.000 đồng;

- Thu tiền sử dụng đất: 10.320.000.000 đồng;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 857.000.000 đồng;
- Thu khác: 230.000.0000 đồng;
- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên: 2.790.496.000 đồng;

(Có biểu số 05- dự toán thu ngân sách năm 2024 kèm theo)

2. Dự toán chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách năm 2024 được phân bổ trên cơ sở định mức chi tiêu theo mức tiền lương cơ sở: 1.800.000 đồng /tháng, đảm bảo các chế độ chính sách chi cho con người, các khoản đóng góp và các khoản chi hoạt động thường xuyên theo ngành, đoàn thể, tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi 10% chi thường xuyên theo quy định hiện hành; khoản chi 30 triệu đồng/biên chế/năm (*Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND tỉnh Bắc Giang*).

Sau khi cân đối, UBND thị trấn Chũ phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024 là: **19.556.496.000 đồng**;

Trong đó:

- * Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 10.320.000.000 đồng;
- * Chi lương, chi thường xuyên: 8.870.757.000 đồng, *cụ thể như sau*
 - Chi hoạt động quốc phòng: 674.422.000 đồng;
 - Chi an ninh trật tự: 329.797.000 đồng (*gồm cả chi phụ cấp cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Giang ngày 12/7/2022*);
 - Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 194.859.000 đồng;
 - Chi hoạt động phát thanh, truyền hình: 83.700.000 đồng;
 - Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 90.070.000 đồng;
 - Chi sự nghiệp TĐTT: 34.938.000 đồng;
 - Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 532.654.000 đồng;
 - Chi sự nghiệp kinh tế: 244.928.000 đồng;
 - Chi ngân sách HĐND: 261.528.000 đồng;
 - Chi ngân sách UBND: 3.728.556.000 đồng;
 - Chi ngân sách đảng: 1.161.895.000 đồng;
 - Chi ngân sách đoàn thanh niên: 228.674.000 đồng;
 - Chi ngân sách hội phụ nữ: 223.584.000 đồng;
 - Chi ngân sách hội nông dân: 213.674.000 đồng;
 - Chi ngân sách hội CCB: 223.584.000 đồng;
 - Chi ngân sách MTTQ: 450.788.000 đồng;

- Chi ngân sách hội chữ thập đỏ: 30.600.000 đồng;
- Chi ngân sách hội người cao tuổi: 125.424.000 đồng;
- Chi khác ngân sách: 42.082.000 đồng;
- * Chi dự phòng ngân sách: 365.739.000 đồng

(Có biểu số 06 – dự toán chi ngân sách thị trấn Chũ năm 2024 kèm theo)

3. Công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024

Để chủ động trong công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024, UBND thị trấn Chũ đề ra các mục tiêu nhiệm vụ sau đây:

a. Nhiệm vụ thu ngân sách

Ngay sau khi được HĐND thị trấn phê chuẩn, UBND khẩn trương chỉ đạo các ngành chuyên môn có liên quan triển khai sớm công tác thu, tuyên truyền tổ chức thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý thu thuế, tăng cường chỉ đạo công tác thu, quản lý thu, rà soát, khai thác triệt để các nguồn thu, phối kết hợp tốt với các ngành chức năng của huyện, đội quản lý thuế đảm bảo thu đúng, đủ thu đủ, thu hết các khoản được phép thu vào ngân sách phân đấu hoàn thành và vượt mức dự toán thu ngân sách được giao;

Tăng cường công tác kiểm tra việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế chân chính, xử lý, chống thất thu thuế, nợ đọng thuế, nhất là các khoản thu có liên quan đến đất đai, sản xuất kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản, tài nguyên môi trường, xây dựng cơ bản trong dân cư;

Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, phổ biến kịp thời đến người nộp thuế chính sách thuế mới, thủ tục hành chính thuế mới sửa đổi, đẩy mạnh cải cách hành chính, chủ động triển khai cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, lắng nghe những vướng mắc, khó khăn, của hộ kinh doanh trên địa bàn để cùng nhau tháo gỡ, giải đáp kịp thời những vướng mắc cho người nộp thuế;

Trên cơ sở giao thu ngân sách năm 2024, UBND thị trấn căn cứ vào khả năng và tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương, lập dự toán thu theo dự toán được giao, phân đấu hoàn thành, tăng thu ngân sách để tạo nguồn cải cách tiền lương và chi hoạt động đáp ứng nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

b. Về nhiệm vụ chi ngân sách

Tăng cường công tác quản lý, điều hành chi ngân sách, kiểm soát chi ngân sách theo định mức chi, chế độ chi tiêu với các ban ngành, đoàn thể đảm bảo cân đối cho các hoạt động thường xuyên của các bộ phận, ưu tiên hàng đầu nhu cầu chi cho con người, đồng thời tiết kiệm, hạn chế các nhiệm vụ chi không cần thiết,

không cấp bách, để đáp ứng nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, an ninh quốc phòng điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao;

Tích cực động viên, huy động và khai thác các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân theo luật định để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương;

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, Luật ngân sách Nhà nước, bộ phận chuyên môn tham mưu UBND thị trấn đề ra các quy định chi tiết, cụ thể để hướng dẫn các bộ phận thực hiện tốt công tác chi ngân sách tại địa phương theo đúng luật định;

Tăng cường công tác quản lý dự toán chi đối với các bộ phận, kiểm tra, kiểm soát chi thực hiện theo đúng Luật ngân sách và các quy định của Nhà nước;

Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công; không để phát sinh nợ đọng XD/CB; thực hiện thanh quyết toán kịp thời các công trình xây dựng đã được ghi trong kế hoạch, ưu tiên thanh toán các công trình đã được phê duyệt quyết toán, công trình chuyển tiếp và công trình đã bố trí kế hoạch vốn.

Trên đây là Báo cáo tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023, phân bổ dự toán thu, chi ngân sách thị trấn Chũ năm 2024 trình HĐND thị trấn Chũ tại kỳ họp thứ 7 khóa II xem xét./.

Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ thị trấn (B/c);
- TT HĐND thị trấn (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND thị trấn;
- Các đại biểu HĐND thị trấn (B/c);
- Các cơ quan, đơn vị, TDP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Mạc Anh Tuấn

BIỂU TỔNG HỢP ƯỚC THU NGÂN SÁCH NĂM 2023*(Kèm theo Báo cáo số: 181/BC-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thị trấn Chũ)*

ĐVT: Đồng

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện Thu NSNN năm 2023		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	163.912.160.000	23.492.160.000	42.610.394.830	18.419.428.105	26,0	78,4
I. Các khoản thu 100%	670.000.000	670.000.000	970.352.200	970.352.200	144,8	144,8
- Phí, lệ phí	160.000.000	160.000.000	452.200.000	452.200.000	282,6	282,6
- Phí môn bài	330.000.000	330.000.000	507.402.200	507.402.200	153,8	153,8
- Thu biện pháp tài chính, thu khác	180.000.000	180.000.000	10.750.000	10.750.000	6,0	6,0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	161.010.000.000	20.590.000.000	31.899.751.338	7.708.784.613	19,8	37,4
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	900.000.000	900.000.000	660.535.449	660.535.449	73,4	73,4
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.100.000.000	550.000.000	463.319.981	231.659.992	42,1	42,1
- Thuế giá trị gia tăng	2.410.000.000	1.680.000.000	3.366.505.088	2.356.553.694	139,7	140,3
- Thuế thu nhập cá nhân	3.900.000.000	2.190.000.000	3.432.790.820	2.046.935.478	88,0	93,5
- Thu tiền sử dụng đất	152.700.000.000	15.270.000.000	23.938.000.000	2.393.800.000	15,7	15,7
- Thu phí bảo vệ môi trường			38.600.000	19.300.000		
III. Thu chuyển nguồn			7.508.131.292	7.508.131.292		
IV. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.232.160.000	2.232.160.000	2.232.160.000	2.232.160.000	100,0	100,0
- Bổ sung cân đối ngân sách	1.483.666.000	1.483.666.000	1.483.666.000	1.483.666.000	100,0	100,0
- Bổ sung có mục tiêu	748.494.000	748.494.000	748.494.000	748.494.000	100,0	100,0

BIỂU TỔNG HỢP ƯỚC CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: 181/BC-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thị trấn Chũ)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023 (Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm	Tổng dự toán được sử dụng	Ước thực hiện năm 2023	So sánh
A	Tổng chi I+II+III	23.492.160.000	1.193.063.000	24.685.223.000	12.330.981.500	50
I	Chi Đầu tư XDCB	15.270.000.000		15.270.000.000	3.233.331.000	21
II	Chi Thường xuyên	8.047.759.000	1.193.063.000	9.240.822.000	9.097.650.500	98
1	Hoạt động quốc phòng	660.624.000	-	660.624.000	659.932.500	100
	Huấn luyện	492.192.000		492.192.000	492.192.000	100
	Phụ cấp trách nhiệm dân quân	90.000.000		90.000.000	89.308.500	99
	Hoạt động theo định mức	78.432.000		78.432.000	78.432.000	100
2	An ninh trật tự	329.797.000	15.700.000	345.497.000	301.295.000	87
	Phụ cấp đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo NQ 22	259.350.000		259.350.000	216.125.000	83
	Hoạt động an ninh trật tự	70.447.000	15.700.000	86.147.000	85.170.000	99
3	Sự nghiệp văn hoá thông tin	194.859.000	30.000.000	224.859.000	224.650.000	100
	Kinh phí cụm dân cư 19 tổ dân phố	95.000.000		95.000.000	95.000.000	100
	Kinh phí cuộc vận động toàn dân đoàn kết XD ĐSVH, NTM	20.000.000		20.000.000	19.800.000	99
	Hỗ trợ KP tăng cường CSVN, thiết bị Nhà văn hóa		30.000.000	30.000.000	30.000.000	100
	Sự nghiệp văn hóa	79.859.000		79.859.000	79.850.000	100

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023 (Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm	Tổng dự toán được sử dụng	Ước thực hiện năm 2023	So sánh
4	Hoạt động phát thanh	83.700.000		83.700.000	82.980.000	99
5	Hoạt động thể thao	34.938.000		34.938.000	34.000.000	97
6	Chi đảm bảo xã hội	482.058.000	23.400.000	505.458.000	505.458.000	100
	Chi thực hiện CS người có công với CM, chi khác	20.000.000		20.000.000	20.000.000	100
	Chi lương hưu và phụ cấp khác	462.058.000	23.400.000	485.458.000	485.458.000	100
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	85.563.000		85.563.000	84.000.000	98
8	Chi sự nghiệp kinh tế	138.635.000	100.000.000	238.635.000	236.635.000	99
	Hoạt động nông nghiệp dịch vụ nông nghiệp	30.000.000		30.000.000	28.000.000	93
	Dự án 3, tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		100.000.000	100.000.000	100.000.000	100
	Chi sự nghiệp giao thông	108.635.000		108.635.000	108.635.000	100
9	Hội đồng nhân dân	241.380.000	89.251.000	330.631.000	330.411.000	100
	Phụ cấp Đại biểu HĐND + BHYT 4,5%	171.380.000	19.251.000	190.631.000	190.631.000	100
	Hoạt động của HĐND	70.000.000	70.000.000	140.000.000	139.780.000	100
10	Ủy ban nhân dân	.635.122.000	837.140.000	4.472.262.000	4.424.204.000	99
	Lương, phụ cấp cán bộ các khoản trích theo lương, KCT...	2.732.122.000	333.230.000	3.065.352.000	3.017.294.000	98
	Hoạt động ủy ban nhân dân	903.000.000	438.910.000	1.341.910.000	1.341.910.000	100
	Hỗ trợ tăng cường CSVN Hội trường UBND		10.000.000	10.000.000	10.000.000	100
	Hỗ trợ sửa chữa nghĩa trang Liệt sỹ		10.000.000	10.000.000	10.000.000	100

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023 (Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm	Tổng dự toán được sử dụng	Ước thực hiện năm 2023	So sánh
	Dự án 7: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá chương trình giảm nghèo		45.000.000	45.000.000	45.000.000	100
11	Đảng cộng sản Việt Nam	883.660.000	47.476.000	931.136.000	904.560.000	97
	Lương, phụ cấp cán bộ, KCT đảng, cấp ủy BTCB, các khoản theo lương	762.860.000	47.476.000	810.336.000	783.760.000	97
	Giám sát cấp ủy	6.000.000		6.000.000	6.000.000	100
	Báo đảng	62.800.000		62.800.000	62.800.000	100
	Hoạt động của Đảng ủy	52.000.000		52.000.000	52.000.000	100
12	Đoàn Thanh Niên	179.806.000	9.000.000	188.806.000	188.532.000	100
	Lương, phụ cấp, và các khoản trích theo lương Đoàn TN	161.806.000	9.000.000	170.806.000	170.532.000	100
	Hỗ trợ thực hiện đề án Nâng cao năng lực số cho thanh thiếu niên...	5.000.000		5.000.000	5.000.000	100
	Hoạt động theo định mức	13.000.000		13.000.000	13.000.000	100
13	Hội phụ nữ	191.548.000	9.000.000	200.548.000	197.520.000	98
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương CT hội PN	173.548.000	9.000.000	182.548.000	179.520.000	98
	Hỗ trợ thực hiện đề án Hướng dẫn hội viên PN thu gom, phân loại rác thải	5.000.000		5.000.000	5.000.000	100
	Hoạt động theo định mức	13.000.000		13.000.000	13.000.000	100
14	Hội nông dân	203.019.000	9.000.000	212.019.000	205.587.000	97
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của CT hội ND	160.019.000	9.000.000	169.019.000	162.587.000	96
	Đại hội	25.000.000		25.000.000	25.000.000	100

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023 (Đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm	Tổng dự toán được sử dụng	Ước thực hiện năm 2023	So sánh
	Hỗ trợ thực hiện đề án "Hội Nông dân là nòng cốt trong tổ chức SX nông nghiệp theo hướng hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, XD và nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, giai đoạn 2022 - 2025	5.000.000		5.000.000	5.000.000	100
	Hoạt động theo định mức	13.000.000		13.000.000	13.000.000	100
15	Hội cựu chiến binh	179.806.000	9.000.000	188.806.000	186.601.000	99
	Chi lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương hội CCB	161.806.000	9.000.000	170.806.000	168.601.000	99
	Hỗ trợ thực hiện đề án Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội viên Hội CCB trong hoạt động tự quản bảo đảm ANTT	5.000.000		5.000.000	5.000.000	100
	Hoạt động theo định mức	13.000.000		13.000.000	13.000.000	100
16	Mặt trận tổ quốc	359.026.000	9.000.000	368.026.000	361.971.000	98
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của MTTQ	327.026.000	9.000.000	336.026.000	329.971.000	98
	Hoạt động theo định mức MTTQ	15.000.000		15.000.000	15.000.000	100
	Giám sát cộng đồng	10.000.000		10.000.000	10.000.000	100
	Chi hoạt động ban thanh tra nhân dân	7.000.000		7.000.000	7.000.000	100
17	Hội chữ thập đỏ	25.980.000	1.860.000	27.840.000	27.840.000	100
	Chi phụ cấp chủ tịch hội CTĐ	17.880.000	1.860.000	19.740.000	19.740.000	100
	Chi hoạt động	8.100.000		8.100.000	8.100.000	100
18	Hội người cao tuổi	104.474.000	3.236.000	107.710.000	107.710.000	100
	Chi phụ cấp CT hội NCT, PCT hội NCT, Chi hội trưởng HNCT	96.374.000	3.236.000	99.610.000	99.610.000	100
	Chi hoạt động	8.100.000		8.100.000	8.100.000	100
19	Chi khác	33.764.000		33.764.000	33.764.000	100
III	Chi dự phòng ngân sách	174.401.000		174.401.000		0

BIỂU TỔNG HỢP
THU HỘ, CHI HỘ, NGUỒN KINH PHÍ HẠCH TOÁN QUA TIỀN GỬI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(đến ngày 10/12/2023)

(Kèm theo Báo cáo số: 181/BC-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thị trấn Chũ)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Năm trước chuyển sang	Số tiền cấp theo QĐ/ nộp	Số tiền Chi	Tồn
	Tổng số = I+II+III	9.106.075.900	3.110.427.000	9.834.507.400	2.381.995.500
I	Tài khoản 3741.0.1130229.92026	8.000.000.000	-	7.055.783.000	944.217.000
1	Kinh phí vay ngân sách cấp trên để thực hiện dự án HTKT KDC Lê Lợi	8.000.000.000		7.055.783.000	944.217.000
II	Tài khoản 3723.0.1130229.00000	750.889.500	896.975.000	1.062.611.000	585.253.500
1	Kinh phí chi hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn (huyện hỗ trợ KP quý 4/2022, Quý 1,2/2023)		805.851.000	805.851.000	-
2	Kinh phí chi hỗ trợ lò xây dựng lò sấy vải (đã nộp trả ngân sách do hết nhiệm vụ chi theo QĐ số 1225/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Lục Ngạn)	83.000.000		83.000.000	-
3	Quỹ thi đua khen thưởng còn dư những năm trước	487.500			487.500
4	Nhận kinh phí (khi nhà nước thu hồi đất - nâng cấp tuyến đường Trần Phú -Vành đai BT 289)_ TT phát triển quỹ đất	187.010.000			187.010.000
5	Kinh phí hỗ trợ đối tượng F0,f1 kết thúc điều trị cách ly y tế phòng chống Dịch Covid-19 (đã nộp trả ngân sách do hết nhiệm vụ chi theo QĐ số 1225/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Lục Ngạn)	11.760.000		11.760.000	-

TT	Nội dung	Năm trước	Số tiền cấp	Số tiền Chi	Tồn
6	Tiền đối ứng của nhân dân xây dựng đường bê tông, nhà văn hóa	366.600.000		160.000.000	206.600.000
7	Tiền đối ứng của nhân dân xây dựng nhà vệ sinh chợ Chũ	3.356.000			3.356.000
8	Kinh phí hỗ trợ mua VPP phục vụ công tác bảo trợ xã hội (TBXH)	2.000.000		2.000.000	-
9	Kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án HTKT KDC cung văn hóa thiếu nhi	29.834.000		-	29.834.000
10	Nhận kinh phí (nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu thương mại tổng hợp Lan Chi) -Hồ công vuông	66.842.000		-	66.842.000
11	Nhận kinh phí BTHT khi nhà nước thu hồi đất dự án HTKT và KDC Lê Lợi		91.124.000	-	91.124.000
III	Tài khoản 3721.0.1130229	-	1.055.910.000	660.000.000	395.910.000
1	Kinh phí vận động cải tạo, xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ thị trấn Chũ		1.055.910.000	660.000.000	395.910.000
IV	Tài khoản 3722.0.1130229.00000	355.186.400	1.157.542.000	1.056.113.400	456.615.000
1	Tiền ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 (Đã nộp về UBMTTQ tỉnh Bắc Giang theo quy định)	72.670.400		72.670.400	-
2	Phí vệ sinh môi trường của các hộ dân trên địa bàn	282.516.000	1.157.542.000	983.443.000	456.615.000

BIỂU TỔNG HỢP
THU, CHI CÁC KHOẢN QUỸ VẬN ĐỘNG, ĐÓNG GÓP NĂM 2023
(đến ngày 10/12/2023)

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2023 của UBND thị trấn Chũ)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Số thu năm trước còn dư chuyển sang	Số thu theo kế hoạch vận động năm 2023	Tổng số thu vận động năm 2023	Tổng số được sử dụng năm 2023 (bao gồm thu trong năm + số dư chuyển sang)	Số đã nộp (đã chi)	Tồn quỹ	Ghi chú
I	Tổng số	249.987.000	347.990.000	341.200.000	591.187.000	364.565.000	226.622.000	
1	Quỹ phòng chống thiên tai		39.480.000	39.680.000	39.680.000	39.680.000	-	
2	Đền ơn đáp nghĩa	31.149.000	34.390.000	34.070.000	65.219.000		65.219.000	
3	Quỹ nạn nhân chất độc dacamdioxin	41.043.000	34.390.000	33.920.000	74.963.000	19.600.000	55.363.000	
4	Quỹ Vì người nghèo, xây nhà đại đoàn kết	104.145.000	103.170.000	99.990.000	204.135.000	204.135.000	-	
5	Quỹ chăm sóc người cao tuổi	40.350.000	67.780.000	67.470.000	107.820.000	49.150.000	58.670.000	
6	Quỹ Nhân đạo	33.300.000	68.780.000	66.070.000	99.370.000	52.000.000	47.370.000	

DỰ TOÁN
THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN CHỦ NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thị trấn Chủ)

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Tỉ lệ điều tiết	NSNN	Ngân sách sau điều tiết	Ghi chú
	Tổng thu		115.134.496.000	19.556.496.000	
I	THU TRÊN ĐỊA BÀN		112.344.000.000	16.766.000.000	
1	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD (Thuế GTGT-TNDN), tiêu thụ đặc biệt	70	3.155.000.000	2.208.500.000	
2	Thuế thu nhập cá nhân	70	3.805.000.000	2.303.500.000	
	Thuế TNCN từ đất	50	1.800.000.000	900.000.000	
	Thuế TNCN từ kinh doanh	70	2.005.000.000	1.403.500.000	
3	Lệ phí trước bạ	50	500.000.000	250.000.000	
4	Các loại phí, lệ phí	100	597.000.000	597.000.000	
	- Lệ phí môn bài	100	437.000.000	437.000.000	
	- Phí, lệ phí xã	100	160.000.000	160.000.000	
5	Thu tiền sử dụng đất	10	103.200.000.000	10.320.000.000	
	- Thu tiền sử dụng đất từ chuyển mục đích	10	1.200.000.000	120.000.000	

TT	Nội dung	Tỉ lệ điều tiết	NSNN	Ngân sách sau điều tiết	Ghi chú
	- Thu tiền sử dụng đất từ đấu giá đất	10	102.000.000.000	10.200.000.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	857.000.000	857.000.000	
7	Thu khác tại xã (bao gồm cả Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, phạt ATGT, phạt vi phạm, tịch thu khác ...)	100	230.000.000	230.000.000	
II	BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN CHO NSDP		2.790.496.000	2.790.496.000	
1	Bổ sung cân đối ngân sách		1.841.925.000	1.841.925.000	
2	Bổ sung có mục tiêu		948.571.000	948.571.000	

DỰ TOÁN
CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN CHỦ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 181 /BC-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thị trấn Chủ)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ghi chú
A	Tổng chi I+II+III	19.556.496.000	
I	Chi Đầu tư XDCB	10.320.000.000	
II	Chi Thường xuyên	8.870.757.000	
1	Hoạt động quốc phòng	674.422.000	
	Huân luyện	489.144.000	
	Phụ cấp trách nhiệm dân quân	98.146.000	
	Hoạt động theo định mức	87.132.000	
2	An ninh trật tự	329.797.000	
	Phụ cấp đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo NQ 22	259.350.000	
	Hoạt động an ninh trật tự	70.447.000	
3	Sự nghiệp văn hoá thông tin	194.859.000	
	Kinh phí cụm dân cư 19 tổ dân phố	95.000.000	
	Kinh phí cuộc vận động toàn dân đoàn kết XD ĐSVH, NTM	20.000.000	
	Sự nghiệp văn hóa	79.859.000	
4	Hoạt động phát thanh	83.700.000	
5	Hoạt động thể thao	34.938.000	
6	Chi đảm bảo xã hội	532.654.000	
	Chi thực hiện CS người có công với CM, chi khác	72.887.000	
	Chi lương hưu và phụ cấp khác	459.767.000	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	90.070.000	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	244.928.000	
	Hoạt động nông nghiệp dịch vụ nông nghiệp	40.000.000	
	Chi sự nghiệp giao thông	204.928.000	
9	Hội đồng nhân dân	261.528.000	
	Phụ cấp Đại biểu HĐND + BHYT 4,5%	201.528.000	
	Hoạt động của HĐND	60.000.000	
10	Ủy ban nhân dân	3.723.556.000	
	Lương, phụ cấp cán bộ các khoản trích theo lương, KCT...	3.190.151.000	
	Hoạt động ủy ban nhân dân: trong đó	533.405.000	
	- Tiền thuê lao động	126.000.000	
	- Tiền công tác phí	20.000.000	
	- Tiền tiếp dân, kiểm soát thủ tục hành chính	10.000.000	
	- Tiền điện thấp sáng	90.000.000	
	- Tiền điện thoại, cước phí internet	15.000.000	
	- Tiền sách báo tạp chí	45.000.000	
	- Tiền văn phòng phẩm, vật tư văn phòng chuyên môn	50.000.000	
	- Tiền photocopy tài liệu	30.000.000	
	- Tiền sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính, máy in, đồ mực	35.000.000	
	- Chi kỉ niệm các ngày lễ lớn	20.000.000	
	- Chi mua phần mềm, chữ ký số	5.000.000	
	- Chi hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ, tổ chức hội	15.000.000	
	- Chi mua chè nước	20.000.000	
	- Chi hội nghị, tiếp khách	22.405.000	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ghi chú
	- Chi thi đua khen thưởng	30.000.000	
11	Đảng cộng sản Việt Nam	1.161.895.000	
	Lương, phụ cấp cán bộ, KCT đảng, cấp ủy BTCB, các khoản theo lương	895.818.000	
	Giám sát cấp ủy	6.000.000	
	Báo đảng	60.000.000	
	Chi hoạt động	200.077.000	
12	Đoàn Thanh Niên	228.674.000	
	Lương, phụ cấp, và các khoản trích theo lương Đoàn TN	200.674.000	
	Đại hội HLHTN	10.000.000	
	Hỗ trợ thực hiện đề án Nâng cao năng lực số cho thanh thiếu niên...	5.000.000	
	Hoạt động theo định mức	13.000.000	
13	Hội phụ nữ	223.584.000	
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương CT hội PN	205.584.000	
	Hỗ trợ thực hiện đề án Hướng dẫn hội viên PN thu gom, phân loại rác thải	5.000.000	
	Hoạt động theo định mức	13.000.000	
14	Hội nông dân	213.674.000	
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của CT hội ND	195.674.000	
	Hỗ trợ thực hiện đề án "Hội Nông dân là nòng cốt trong tổ chức SX nông nghiệp theo hướng hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, XD và nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, giai đoạn 2022 - 2025	5.000.000	
	Hoạt động theo định mức	13.000.000	
15	Hội cựu chiến binh	223.584.000	
	Chi lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương hội CCB	205.584.000	
	Hỗ trợ thực hiện đề án Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hội viên Hội CCB trong hoạt động tự quản bảo đảm ANTT	5.000.000	
	Hoạt động theo định mức	13.000.000	
16	Mặt trận tổ quốc	450.788.000	
	Lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của MTTQ	383.788.000	
	Đại hội	35.000.000	
	Hoạt động theo định mức MTTQ	15.000.000	
	Giám sát cộng đồng	10.000.000	
	Chi hoạt động ban thanh tra nhân dân	7.000.000	
17	Hội chữ thập đỏ	30.600.000	
	Chi phụ cấp chủ tịch hội CTĐ	21.600.000	
	Chi hoạt động	9.000.000	
18	Hội người cao tuổi	125.424.000	
	Chi phụ cấp CT hội NCT, PCT hội NCT, Chi hội trưởng HNCT	116.424.000	
	Chi hoạt động	9.000.000	
19	Chi khác	42.082.000	
III	Chi dự phòng ngân sách	365.739.000	